

Chị Nguyễn Thị H và Anh Đào Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai vào ngày 09 tháng 5 năm 2004. Sau khi kết hôn một thời gian, Anh B vướng vào tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật nên bị Tòa án xử phạt 07 năm tù giam về tội Cướp tài sản. Sau khi được ra tù, Anh B thường xuyên đi làm nghề trong miền Nam. Đến khoảng năm 2018 Anh B mở xưởng mộc tại nhà nhưng không đóng góp gì cho kinh tế gia đình. Do những mâu thuẫn về kinh tế nên cả hai thường xảy ra va chạm xô xát dẫn đến cuộc sống gia đình căng thẳng. Đến giữa năm 2020, mâu

thuần vợ chồng càng thêm trầm trọng, giữa vợ chồng không còn tiếng nói chung, Anh B có những hành động xúc phạm về cả nhân phẩm và thân thể nên chị H đã phải đi thuê nhà để sinh sống. Nay do thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn Anh Đào Văn B.

- Về con: Cả hai có 02 con chung là Đào Thu H sinh ngày 02/9/2002 và Đào Duy H sinh ngày 18/02/2008. Ly hôn, chị H đề nghị được nuôi cả hai con chung; việc cấp dưỡng nuôi con cả hai tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Chị H tự thỏa thuận phân chia với Anh B nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là Anh Đào Văn B trình bày trong Biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết xét xử vụ án như sau:

Anh B xác nhận lời khai về thời gian kết hôn và hoàn cảnh điều kiện kết hôn như chị H trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhỏ nhặt trong sinh hoạt nhưng chỉ do kinh tế khó khăn. Anh B làm nghề mộc nên thu nhập không ổn định do vậy chị H thường xuyên gây khó dễ dẫn đến không khí gia đình căng thẳng tuy nhiên, Anh B không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa, Anh B thấy mâu thuẫn vợ chồng sâu sắc, tình cảm vợ chồng không còn, chị H vẫn kiên quyết giữ quan điểm ly hôn nên Anh B đồng ý ly hôn.

Về con chung: Cả hai có 02 con chung là Đào Thu H sinh ngày 02/9/2002 và Đào Duy H sinh ngày 18/02/2008. Ly hôn, Anh B đề nghị được nuôi cả hai con chung.

Về tài sản chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở đánh giá, phân tích về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc tuyên xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị H .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn là Anh Đào Văn B, có địa chỉ: Tổ dân phố X 2,

phường Trảng Cát, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về hôn nhân:

[2] Chị H và Anh B có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Nhuận, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai năm 2004 nên là hôn nhân hợp pháp.

[3] Qua các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã xác minh, thu thập cho thấy mâu thuẫn của Anh B và chị H là đúng với thực tế, cả hai hiện đã ly thân mỗi người một nơi. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, Anh Đào Văn B đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình cần được chấp nhận.

- Về con chung:

[5] Anh B và chị H thống nhất xác nhận có 02 con chung là Đào Thu H sinh ngày 02/9/2002 và Đào Duy H sinh ngày 18/02/2008. Chị H và Anh B đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Nguyện vọng được nuôi con của các đương sự là chính đáng, tuy nhiên, xét thấy các con chung được chị H nuôi dưỡng chăm sóc chu đáo từ nhỏ kể cả những lúc Anh B vắng nhà trong thời gian dài, chị H có công việc và thu nhập ổn định hơn Anh B. Bên cạnh đó, con chung cũng có nguyện vọng được ở với mẹ trong trường hợp bố mẹ ly hôn nên HĐXX thấy cần tiếp tục giao con Đào Duy H sinh ngày 18/02/2008 cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét giải quyết.

Con chung Đào Thu H sinh ngày 02/9/2002, hiện đã thành niên nên không xét giải quyết.

- Về tài sản chung:

[6] Anh B và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí:

[7] Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 19, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều các điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị H và Anh Đào Văn B.

2. Về con chung: Giao con chung Đào Duy H sinh ngày 18/02/2008 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; việc cấp dưỡng nuôi con hai đương sự tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Con chung Đào Thu H sinh ngày 02/9/2002, hiện đã thành niên nên Tòa án không xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh B và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Chị H đã nộp đủ theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí sơ thẩm số 17808 ngày 14/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường xã P, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Đức Hoàng

